CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

PHẦN I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH NĂM 2018:

Năm 2018, nền kinh tế Việt Nam có mức tăng trưởng GDP là 7,08%, cao hơn năm 2017. Mức tăng trưởng cao hơn mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra. Trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biển diễn biến phức tạp thì việc đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công. Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,54% so với năm 2017.

Tình hình cạnh tranh trên thị trường trong nước cũng như nước ngoài ngày càng khốc liệt. Nhiều đối thủ đã sản xuất các sản phẩm là thế mạnh của Công ty như Phở ăn liền, bánh đa cua. Nhiều Công ty mới cũng tham gia thị trường ngành mì ăn liền.

Trong tình hình đó, Công ty đã thực hiện cải tổ cơ cấu nhân sự hệ thống bán hàng cả kênh GT, MT và Horeca. Xác lập chính sách quản lý, lương, thưởng cho nhân viên bán hàng và cán bộ quản lý sale một cách khoa học, chặt chẽ, gắn liền mức thu nhập với hiệu quả công việc. Công ty cũng tiếp tục triển khai hệ thống quản lý bán hàng DMS để kết nối Công ty với các nhà phân phối, các nhân viên bán hàng.

Điều chỉnh hợp lý các chính sách hợp tác với các nhà phân phối, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Các nhà phân phối của Công ty ngày càng có năng lực hơn, gắn bó với Công ty hơn, việc phân phối sản phẩm đến tận các cửa hàng được cải thiện từng bước.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018:

Công ty đã đạt được kết quả về doanh số và lợi nhuận năm 2018 cụ thể như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT : VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1,956,106,480,223	1,759,153,423,955
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	58,347,564,871	65,077,920,517
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1,897,758,915,352	1,694,075,503,438
4.	Giá vốn hàng bán	11	1,565,870,758,359	1,472,798,766,603
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	331,888,156,993	221,276,736,835

6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	9,041,490,163	14,836,497,579
7.	Chi phí tài chính	22	21,471,155,775	15,845,371,628
Trong đó, chi phí lãi vay		23	*8,402,288,993*	*4,828,222,684*
8.	Chi phí bán hàng	25	251,961,689,847	182,412,196,531
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28,483,613,726	24,129,261,692
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	39,013,187,808	13,726,404,563
11.	Thu nhập khác	31	2,196,114,969	1,806,385,044
12.	Chi phí khác	32	3,177,643,440	416,608,817
13.	Lợi nhuận khác	40	(981,528,471)	1,389,776,227
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	38,031,659,337	15,116,180,790
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8,582,060,339	3,798,606,091
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(489,467,003)	(490,489,328)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	29,939,066,001	11,808,064,027
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	-
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-

Phân tích tổng quan về tình hình thực hiện trên các chỉ tiêu cơ bản:

Doanh thu: Tổng doanh thu năm 2018 đạt 1.898 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2018: đạt 29,9 tỷ đồng, .

Trong năm Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý giá nguyên liệu đầu vào, kiểm soát chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý góp phần cải thiện chỉ tiêu lợi nhuận.

Báo cáo tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1 694 075 503 438	1 897 758 915 352
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	13 726 404 563	39 013 187 808
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	15 116 180 790	38 031 659 337
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	11 808 064 027	29 939 066 001

b/ Bảng cân đối kế toán:

Bảng cân đối kế toán	Năm 2018	Năm 2017
Tổng tài sản	796 605 249 966	982 199 895 301
Tài sản ngắn hạn	269 821 089 947	532 880 798 843
Tài sản dài hạn	526 784 160 020	449 319 096 458
Vốn điều lệ	101 000 000 000	101 000 000 000
Vốn chủ sở hữu	278 345 857 812	248 888 791 811

c/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
Chỉ số khả năng thanh toán			
Tỉ số thanh toán	lần	0.63	0.73
Tỉ số thanh toán nhanh	lần	0.58	0.71
Chỉ số sử dụng vốn			
Hệ số vòng quay các khoản phải trả	lần	2.53	2.76
Hệ số vòng quay các khoản phải thu	lần	17.96	13.96
Hệ số quay vòng hàng tồn kho	lần	85.80	141.05
Chỉ số lợi nhuận			
Tỉ suất lợi nhuận thuần	%	1.58%	0.70%
Tỉ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	%	5.22%	2.55%
Tỉ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11.36%	4.86%

d/ Tình hình tài chính - Các chỉ số tài chính trong năm 2018:

Chỉ số khả năng thanh toán hiện hành: Trong năm 2018 tỷ số này giảm so với năm 2017 (từ 0.73 giảm xuống 0.63).

Vòng quay hàng tồn kho năm 2018 giảm so với năm 2017 (giảm từ 141 xuống còn 85.8 lần), điều này thể hiện hàng hóa được tiêu thụ nhanh tiết kiệm được chi phí lưu kho và rủi ro hư hỏng hàng hóa. Tuy nhiên chỉ số vòng quay hàng tồn kho năm 2018 về lý thuyết thì tốt nhưng thực tế thì cần phải cân đối cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất và cung ứng kịp thời hàng hóa cho thị trường.

Các chỉ số về khả năng sinh lời trong năm 2018 tăng hơn so với năm 2017, tỷ số lợi nhuận thuần trên vốn chủ sở hữu năm 2018 cao hơn 2017 (từ 0.7% lên 1.58%), doanh thu năm 2018 cao

hơn so với năm 2017. Trong năm 2018, công ty tiếp tục tìm nguồn cung cấp với giá cả hợp lý và chấn chỉnh và kiểm soát chi phí để tiếp tục gia tăng lợi nhuận.

e/ Công tác xã hội:

Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động Xã hội – từ thiện vì cộng đồng, các chương trình chính trị an sinh xã hội mang ý nghĩa thiết thực như: Tài trợ cho Quỹ Học bổng trẻ em Việt Nam, tham giá cứu trợ đồng bào bị lũ lụt Miền Trung, tài trợ sinh viên đón Tết xa nhà, tiếp sức mùa thi.

PHẦN II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2019, Công ty tiếp tục thực hiện các công việc cụ thể như sau để phát triển ổn định:

- Tiếp tục đào tạo nâng cao chất lượng nhân sự, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, nhân viên bán hàng của Công ty.
- Khai thác hiệu quả phần mềm quản lý bán hàng.
- Quan tâm sâu sát đến các nhà phân phối, các đối tác để nắm bắt kịp thời tình hình cũng như nhu cầu thị trường. Linh động trong hình thức hợp tác để tăng độ phủ thị trường với chi phí hợp lý.
- Tiếp tục đầu tư mạnh cho các chương trình marketing để quảng bá thương hiệu, sản phẩm Công ty.
- Tung các sản phẩm mới để đa dạng sản phẩm, tạo thêm doanh thu.
- Đầu tư phát triển thêm sản phẩm cho các thị trường xuất khẩu hiện tại. Mở thêm các thị trường xuất khẩu mới.

Với những dự định như trên Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2018	Kế hoạch SXKD năm 2019	Giá trị	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	1,897.76	2,493.41	596	31%
Chi phí	1,859.73	2,418.61	558.89	23%
Lợi nhuận trước thuế	38.03	74.80	36.77	247%
Lợi nhuận sau thuế	29.94	59.84	29.90	256%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	1.6%	2.0%	1.3%	183%

- Theo kế hoạch, doanh thu năm 2019 dự kiến tăng 31% so với năm 2018. Năm 2019, Công ty cố gắng duy trì tỷ lệ chi phí bằng hoặc thấp hơn năm 2018, để đảm bảo lợi nhuận tăng trưởng 256% theo kế hoạch.
- Để mở rộng phát triển thương hiệu VIFON ở thị trường Miền Bắc, tăng sản lượng sản xuất, giảm chi phí vận chuyển, nhân công, thời gian đi lại và các chi phí liên quan như hạo hụt, hư hỏng sản phẩm,.. để vận chuyển sản phẩm từ Công ty từ TP.HCM ra các tỉnh miền Bắc Việt Nam, Công ty tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền sản xuất ở Hải Dương.
- Để tập trung phát triển sản xuất, nâng tầm thương hiệu quốc gia, Công ty sẽ tái khởi động Dự án xây dựng Nhà máy chế biến thực phẩm tại Khu Công nghiệp Hải Sơn, tỉnh Long An. Tổng chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến thực phẩm Vifon – Long An là hơn 583 tỷ đồng.

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2018 và kế hoạch đầu tư và phát triển năm 2019, Hội đồng quản trị đề nghị phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

STT	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước		135.719.522.232
2	Lợi nhuận năm 2018		29.939.066.001
3	**Tổng lợi nhuận chưa phân phối (1+2)**		**165.658.588.241**
4	Quỹ dự phòng tài chính (% lợi nhuận 2017)	5%	8.282.929.412
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (% lợi nhuận 2017)	0%	
6	Quỹ chi chính sách HĐQT, BKS (% lợi nhuận 2017)	0%	
7	Chi cổ tức (% vốn điều lệ)	0%	
8	**Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (3-4-5-6-7)**		**157.375.658.829**

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 1101171437 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON - H. ĐỨC HÒA - T. LONG AN

BÙI PHƯƠNG MAI